

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 596/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 09 - 2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Bền
- Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 208/2024/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 403/2024/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 08 năm 2024; giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Thị Thu H, sinh năm: 2000 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Minh V, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Kc, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị Thu H trình bày: Chị và anh Phan Minh V tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có

tổ chức lễ cưới năm 2022, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn vào ngày 27/01/2022. Thời gian đầu chị và anh V chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì cuộc sống bất hòa, không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Nay xét thấy, giữa chị và anh V nếu tiếp tục chung sống cũng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh V. Về con chị H và anh V có 01 con chung là cháu Phan Thị Thiên D, sinh ngày 22/05/2023 hiện đang do chị H nuôi dưỡng, chị yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên Tòa chị H xác định không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Phan Minh V không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thị Thu H.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Thu H và anh Phan Minh V tự tìm hiểu quen biết trước, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn vào ngày 27/01/2023 nên hôn nhân giữa chị H và anh V là hợp pháp. Chị H cho rằng giữa chị và anh V đã ly thân được một năm vì quá trình chung sống thường xuyên bất hòa, không có hạnh phúc và kể từ thời điểm khởi kiện đến nay anh V cũng không có liên lạc để nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn anh V là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị H được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị H xác định chị và anh V có 01 con chung là cháu Phan Thị Thiên D, sinh ngày 22/05/2023 hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Xét thấy cháu D dưới 36 tháng tuổi và chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu

D cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Về tài sản và nợ chung: Chị H, anh V không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Minh V nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh V với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Phan Minh V với tư cách là bị đơn trong vụ kiện. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh V nhưng không thực hiện được do anh V không có mặt tại nhà. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật để anh V biết và có ý kiến phản hồi nhưng anh V không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên Tòa xét xử. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Thu H và anh Phan Minh V tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Theo sự xác định của chị H, giữa chị và anh V đã không còn chung sống vợ chồng với nhau được hơn một năm. Nguyên nhân được chị H xác định giữa chị và anh V không còn phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bản thân chị và anh V cũng đã tìm cách để hàn gắn nhưng không mang lại hiệu quả. Vì vậy, chị H yêu cầu được ly hôn anh V. Riêng anh V không có ý kiến phản đối về việc chị H yêu cầu ly hôn và cũng không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, mặc dù anh V biết được thông tin vụ việc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân

sự: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Xét thấy, kể từ thời điểm chị H gửi đơn tại Tòa, chị xác định đã không còn chung sống vợ chồng với anh V nên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống chung vợ chồng giữa chị H và anh V không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Bản thân anh V cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh V đến hòa giải nhằm mục đích để chị H và anh đoàn tụ nhưng anh V cố tình vắng mặt qua các lần mời. Xét thấy, chị H và anh V đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, chị H yêu cầu được ly hôn với anh V là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh V.

[2.2] Về con chung: Chị H xác định trong quá trình chung sống chị và anh V có một con chung tên Phan Thị Thiên D, sinh ngày 22/05/2023 hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu D. Tuy nhiên, anh V không có ý kiến thể hiện sự phản đối hay đồng ý đối với yêu cầu của chị H. Xét thấy cháu Di dưới 36 tháng tuổi hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên về nguyên tắc giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị H có yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị H thay đổi yêu cầu, chị xác định không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con và anh V cũng không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh V có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải

nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002723 ngày 23 tháng 04 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Thu H được ly hôn với anh Phan Minh V.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phan Thị Thiên D, sinh ngày 22/05/2023 cho chị Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh V có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Bích.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002723 ngày 23 tháng 04 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

5. Báo cho các bên đương sự được biết có quyền kháng cáo bản bản trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, chị H được tính kể từ ngày tuyên án (27/09/2024); anh V được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Hương